

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 60/2020/HNST

Ngày: 10/11/2020

Vụ án: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Thiện

2. Bà Lê Thị Tân An

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** sinh năm 1976; trú tại khu vực TĐ, phường PT, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

-Bị đơn: Anh **Phạm Văn P**; sinh năm 1971; trú tại khu vực TB, phường PT, quận M, thành phố Cần Thơ, vắng mặt (*xin vắng*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Chị L và anh P là vợ chồng chung sống từ năm 1994, hôn nhân của anh chị là tự nguyện quen biết tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống anh chị có hai con chung tên Nguyễn Thị N (Nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Nguyễn Thị Đ (Nữ), sinh ngày 15/9/1997, hiện hai con đều đã trưởng thành (khi làm giấy khai sinh cho 02 con, do không đăng ký kết hôn nên phần họ và tên cha bỏ trống). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng từ năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên thường xuyên cự cãi, bất hòa, do anh P thường xuyên nhậu nhét, không quan tâm đến vợ con, còn có hành vi bạo lực với vợ. Chị L đã cố gắng nhẫn nhịn, dung hòa để mong xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn nên hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh P, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh như chị L đã trình bày, sau khi tìm cách để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh P. Anh P thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị L.

Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Trước phiên tòa:

-Chị L vẫn giữ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; về con chung, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét; về tài sản chung, nợ chung xác định không có nên không yêu cầu.

-Anh P vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Phạm Văn P đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông có yêu cầu giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn P tự nguyện chung sống tuy không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, nhưng việc các bên không đăng ký kết hôn mà tiến tới chung sống như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận. Nay chị L có yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng, quan hệ này được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quá trình chung sống của chị L và anh P có thời gian dài, nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không hợp, nên dẫn đến tình cảm không còn, nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống cả hai. Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình trong trường hợp không đăng ký kết hôn thì hôn nhân của chị L và anh P không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu nêu trên của chị L và anh P là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Chị L và anh P có 02 con chung Nguyễn Thị N (nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Nguyễn Thị Đ (nữ), sinh ngày 15/9/1997, hiện nay các con đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị L và anh P xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

3
QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn P.

-Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị N (Nữ), sinh ngày 22/12/1995 và Nguyễn Thị Đ (Nữ), sinh ngày 15/9/1997, đã trưởng thành nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh P xác định không có, nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

-Về án phí: Nguyên đơn chị L phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu số 011161 ngày 21/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị L đã nộp xong).

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP/CT;
- VKSND – Q Ô Môn;
- Chi cục THADS- Q Ô Môn;
- Các đương sự;
- UBND.P.Phước Thới;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Hùng

Phan Văn Thiện

Lê Thị Tân An

Nguyễn Phi Hùng

